TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 3 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

2. Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 588/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1985 (*có mặt*).

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1989 (*vắng mặt*).

Cùng cư trú tại: Ấp Q, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng M trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, sau thời gian tìm hiểu, được sự đồng ý của gia đình, anh và chị Bùi Thị H tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 31/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm. Đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Do đó, anh và chị H sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận

thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

- Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh và chị H không có con chung, tài sản chung và không nợ chung ai, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Bùi Thị H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh M và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Bùi Thị H đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị H theo thủ tục chung.

[3] *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Hoàng M và chị Bùi Thị H là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ việc bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cải dẫn đến mất hạnh phúc, anh chị đã có thời gian dài sống ly thân không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh M xác định anh không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với chị H. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của anh M. Căn cứ vào lời trình bày của anh M và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận đời sống chung giữa anh M và chị H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa anh M và chị H.

[4] *Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*: Anh M xác định anh và chị H không có con chung, tài sản chung và không nợ chung ai, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết về

các vấn đề này. Do tất cả các vấn đề này không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết anh M phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí giải quyết ly hôn và được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Hoàng M và chị Bùi Thị H.

2. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Hoàng M phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0012317 ngày 25 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt anh Nguyễn Hoàng M, vắng mặt chị Bùi Thị H. Báo cho anh M có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng chị H vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã T: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Cao Minh Tân